

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HS-ST
Ngày: 23/9/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn U (cc), sinh ngày 06/6/1994, tại: K - An Giang; quê quán: K – An Giang; nơi thường trú: tổ 8, khóm C 2, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn S (sinh năm 1970) và bà Dương Thị Mỹ H (sinh năm 1970); anh em ruột có 03 người bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/8/2020 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

- Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; vắng mặt.
- Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; vắng mặt;

- Trương Văn C, sinh năm 1957; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 01/6/2020, tại tiệm game bắn cá NLP thuộc tổ 6, khóm C 2, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang, lực lượng tuần tra Công an phường N bắt quả tang và lập biên bản sự việc trong túi quần trước bên phải của bị cáo Trần Văn U có cất giữ 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng, nghi vấn ma túy. Bị cáo khai tinh thể trong túi nhựa là ma túy đá, nhờ người thanh niên (không rõ nhân thân) mua giúp, mục đích để sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể rắn màu trắng.

Theo Kết luận giám định số 131/KLGT-PC09 (MT) ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1169 gam.

Ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt tạm giam đối với Trần Văn U về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Cáo trạng số 85/CT-VKSCĐ ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trần Văn U về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, đời sống tinh thần của con người, gây nguy hiểm đến trật tự xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần lao động, không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn U từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi giám định.

Đối với người thanh niên (không rõ lai lịch) mua ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ cùng ngày 01/6/2020 và lời khai của ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn L, Trương Văn C thì ông N, ông L, ông C là người chứng kiến việc lực lượng công an lập biên bản bắt bị cáo phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng. Nên ông N, ông L, ông C là người chứng kiến trong vụ án theo quy định tại Điều 67 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tất cả những người chứng kiến Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N, Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[4] Hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 01/6/2020, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 01/6/2020, kết luận giám định về ma túy ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang.

Nên có cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 01/6/2020, tại tiệm game bắn cá NLP thuộc tổ 6, khóm C 2, phường N, thành phố K, bị cáo có hành vi cất giấu trái phép trong người chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1169 gam, với mục đích để sử dụng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép 0,1169 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng với lỗi cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, bị cáo đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp tạo thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số 131/KLGT-PC09 (MT) ngày 01/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh An Giang. Bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố K, tỉnh An Giang các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà và Ôn Văn Thuận, có chứa lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo và còn lại sau giám định, là vật chứng, cấm lưu hành. Xét, tịch thu, tiêu hủy.

[8] Đối với người thanh niên bị cáo khai đã mua ma túy giúp cho bị cáo, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Trần Văn U (cc) phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn U (cc): 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giam 10/8/2020 (mười, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số: 131/KLGT-PC09 (MT) ngày 01/7/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh An Giang. Bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh An Giang các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà và Ôn Văn Thuận

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K).

Căn cứ các Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn U (cc) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tâm